

TIẾP CẬN MÔ HÌNH ĐẠI HỌC NGHIÊN CỨU TRÊN THẾ GIỚI – TRIỂN VỌNG VÀ THÁCH THỨC CỦA ĐẠI HỌC VIỆT NAM

PGS.TS. Đào Duy Hiệp¹

“Giáo dục là những gì còn lại
khi người ta đã quên hết mọi điều được học ở nhà trường” (A.Einstein)

So với các nền đại học lâu đời trên thế giới, đại học Việt Nam mới được trên nửa thế kỉ nay lại cộng với những điều kiện khách quan về hai cuộc chiến tranh nên còn nhiều chập chững và chưa có những kết quả như mong đợi. Điều đó vừa cho phép ta có lí do yên tâm về sự chậm trễ, vừa cho phép chúng ta có tư tưởng thỏa hiệp rằng: có cố gắng cũng chẳng ích gì. Đó là suy nghĩ sai lầm. Thế giới ngày nay đã khác. Công nghệ phát triển, con người có tri thức khoa học, trí tuệ cao, cho phép chúng ta có thể hội nhập và đuổi kịp các nền đại học lớn mà không phải là ảo tưởng hoặc không tưởng. Vấn đề then chốt vẫn là ở con người: người quản lí, người thầy.

Bài viết này không có tham vọng đi sâu vào mô tả chi tiết những thành tựu lớn của các đại học nghiên cứu trên thế giới đối với sự phát triển kinh tế, xã hội mà chỉ điểm qua trên cơ sở tham khảo sách vở; phần tiếp theo đó chính là những suy nghĩ, trăn trở của người viết về triển vọng và thách thức đối với đại học của Việt Nam. Trường có “thương hiệu” lớn, sẽ có sức hút lớn vì có nhiều tài năng. Trường giàu có, các thầy sẽ giàu có và có cuộc sống toàn tâm toàn ý cho chuyên môn. Nhưng, làm thế nào để có được điều đó?

1. Các trường đại học nghiên cứu trên thế giới đối với sự phát triển kinh tế xã hội

1.1. Đại học nghiên cứu (research university) có vai trò vô cùng to lớn trong việc sáng tạo và chuyển giao công nghệ, làm giàu cho xã hội. Không thể hình dung một xã hội phát triển không gắn liền với tri thức khoa học. Đại học nghiên cứu là kết hợp giữa giảng dạy với nghiên cứu. Lấy kinh nghiệm của các đại học lớn trên thế giới như: Đại học Humboldt của Đức; đại học Oxford của Anh; Harvard của Mỹ; École Normale Supérieure của Pháp (được xếp vào top 100 trường đại học tốt nhất trên thế giới); sự phát triển vượt trội của Ấn Độ, Trung Quốc ngày nay có phải chăng là không xuất phát từ các đại học nghiên cứu?

Trong bài “Đại học nghiên cứu: cốt lõi của sáng tạo”, Phạm Ngọc Duy đã cho độc giả thấy một

¹ Khoa Văn học – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN

mô hình đại học nghiên cứu của Đức từ nửa cuối thế kỉ 19 và những thành tựu của nó: “Đại học nghiên cứu đầu tiên của nước này được thành lập năm 1810, và cho đến cuối thế kỷ 19, những thành quả nghiên cứu trong lĩnh vực hóa học của các trường đại học nghiên cứu ở Đức đã khiến cho nước Đức dẫn đầu toàn thế giới về các công nghiệp có liên quan đến hóa học. Đây cũng là tiền đề để nước Đức vươn lên chiếm vị thế số 1 trong các nền kinh tế Châu Âu trong suốt những năm cuối thế kỷ 19. Công ty chuyên về dược phẩm và hóa chất Bayer nổi tiếng của Đức đã được thành lập trong giai đoạn này và không ngừng lớn mạnh cho tới ngày nay chính là nhờ những thành quả nghiên cứu về hóa học từ các trường đại học nghiên cứu này”⁽²⁾. Bên cạnh đó, các nước khác như Mỹ hiện nay cũng được hưởng lợi từ những đại học nghiên cứu hàng đầu như Harvard, MIT, Đại học California hay Stanford.

Trong bài nói chuyện ở cuộc hội thảo *Bàn về tinh thần đại học*, ngày 22/3/2011 tại Đại học Xã hội và Nhân văn TP HCM, Nguyễn Xuân Xanh đã giới thiệu một vài trường Đại học nghiên cứu có tiếng trên thế giới. Ông đã trích lời của GS Steven Weinberg, nhà vật lý lý thuyết Hoa Kỳ (Nobel Vật lý năm 1979): “Tôi tin rằng không có các đại học nghiên cứu lớn, mô hình bắt đầu từ Đức thế kỷ 19, chúng ta ở Hoa Kỳ sẽ phải tự nuôi sống bằng cách trông đợi nành, và giới thiệu Grand Canyon cho du khách từ Đức và Nhật Bản”. Ông nhắc lại kinh nghiệm của Đại học Humboldt, đến nay đã 200 năm tuổi là “nơi tạo ra tri thức mới để làm giàu cho xã hội, tạo ra công nghệ, cung cấp các nhà lãnh đạo quốc gia, tạo ra tầng lớp trí thức có nhân cách mạnh mẽ, làm cho quốc gia hùng cường”. Tác giả cho biết trường Đại học Humboldt (còn được gọi là Đại học Berlin) ra đời từ hai giới tinh hoa Đức: các nhà văn lãng mạn, thâm thuẫn chủ nghĩa tân-nhân văn; và các nhà triết học duy tâm Đức chứ không phải từ các công chức nhà nước. Và nó đã mang về cho nước Đức 30 giải Nobel. Đại học Oxford của Anh là một trong 3 đại học châu Âu đầu tiên thế kỷ 12, bên cạnh Bologna và Paris. Đến nay cũng đã trên 800 năm tuổi. Cao đẳng Sư phạm Paris, nơi đào tạo 12 chủ nhân giải Nobel và 10 chủ nhân giải Fields trong đó có Ngô Bảo Châu của Việt Nam. Chúng ta tự hào và nghĩ đến tương lai của đại học Việt Nam trong buổi Hội thảo hôm nay.

1.2. Các trường đại học nghiên cứu cần những gì? Sự tự chủ về tài chính, về quyền lãnh đạo của hiệu trưởng, về tâm huyết, tài năng của người thầy. Theo tôi, đó là những vấn đề then chốt, bên cạnh những vấn đề khác quan trọng không kém đó là các môn học cần phải luôn đổi mới để đáp ứng với nhu cầu xã hội và người học mà tôi sẽ nói ở bên dưới.

⁽²⁾ Tạp chí *Tia sáng*, 3/2011.

Có một vòng “luân hồi” trong nghiên cứu và giảng dạy là: muốn đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu thì thầy phải “học” trước đã, có biết mới dạy được. Trong sự “học” này của người làm thầy là phải liên tục tiếp thu tinh hoa lí thuyết của thế giới, ứng dụng rồi mang dạy. Muốn được vậy, những yêu cầu tối thiểu cho người thầy là phải say mê, có ngoại ngữ, được/tự trang bị về kĩ thuật công nghệ tiên tiến. Đến lượt mình, sinh viên lại học lại sự “học” của thầy. Ngay từ thời Cổ đại tinh thần đại học đã được bắt nguồn từ “tinh thần khoa học” và sau đó là một công cuộc dịch thuật lớn lao về khoa học, triết học. Các nhà khoa học của ta đã chỉ ra sự lợi hại của việc dịch thuật thời Cổ đại và thời Minh Trị ở Nhật Bản đã làm biến đổi tận gốc tư duy của con người theo đó là sự phát triển xã hội. Dịch thuật và nghiên cứu sẽ gắn với nhau, vì có công cụ mới (lí thuyết từ dịch thuật) con người sẽ có cái nhìn mới trong môi giới lưu với thế giới bên ngoài. F.de Saussure đã cho rằng bất cứ một ngôn ngữ nào cũng là hay nhất với người bản ngữ. (Đối với mỗi người Việt Nam, âm hưởng cao, rộng của hai chữ “bầu trời” sẽ lay động khác với cùng nghĩa đó trong “le ciel” trong tiếng Pháp, “the sky” trong tiếng Anh,... và ngay cả từ “thiên” trong tiếng Hán cổ). Nhưng tôi còn cho rằng, nếu cứ khư khư giữ lấy cái “hay nhất” đó của ngôn ngữ bản địa trong thời đại ngày nay là ta đã tự đóng cửa trước khoa học, trước thế giới văn minh mỗi ngày một phát triển với tốc độ vũ bão. Trong đó, việc các đại học giao lưu với nhau là điều kiện để các nhà khoa học gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm, tri thức, đồng thời qua đó sẽ tự điều chỉnh để thích nghi và phát triển phù hợp với bước đi của thế giới và của quốc gia.

Một trong những vấn đề quan trọng khi bàn về đại học nghiên cứu đã được các nhà khoa học trên thế giới quan tâm đó là vấn đề tài chính và quyền của hiệu trưởng. Việc cân đối thu chi, thưởng phạt, phong tấn, đến việc làm giàu chính đáng từ lao động tri thức là con đường lâu dài và bền vững để phát triển lên đại học nghiên cứu có quy mô quốc tế. Đúng là truyền thống của khoa học nhân văn là nhân ái, nhưng không nên nhân ái cào bằng lao động khoa học. (Xin được nói ngay để khỏi bị hiểu lầm: tôi không hề có ý tiêu cực, vì thực ra người say mê làm khoa học không bao giờ lấy vật chất làm xuất phát điểm cho công việc của mình, mà cái chính là tôi muốn chỉ ra quy luật tất yếu sẽ xảy ra là nếu cứ duy trì sự cào bằng như vậy thì sẽ có nguy cơ kéo đại học đi xuống về chất lượng). Dưới đây chúng ta sẽ tiếp tục xem xét các nhà triết học, khoa học nói ra sao về giáo dục.

1.3. Các nhà triết học, khoa học Rousseau, Kant, Einstein đã bàn gì về giáo dục? Và sự tiên tri của họ đến ngày nay đã được các nước “hưởng lộc” ra sao là điều chúng ta cần tính đến.

Thời đại Ánh sáng Pháp thế kỉ 18 đã sản sinh ra những con người vĩ đại về nhiều lĩnh vực, trong đó có vấn đề giáo dục: Montesquieu, Diderot, Voltaire, Jean-Jacques Rousseau, Bernadin de Saint-Pierre.... Những bàn luận sâu sắc của Rousseau trong cả tiểu thuyết và trong cả các công trình có tính chất pháp luật, triết học có thể nói còn mang tính thời sự cho đến hôm nay. Trong tiểu thuyết *Émile hay về Giáo dục* (“Émile ou De l’éducation” - 1762); hay trong tiểu thuyết bằng thư *Julie hay Nàng Héloïse mới* (“Julie ou la Nouvelle Héloïse” - 1762) Rousseau đã mong muốn soạn thảo ra một “nghệ thuật đào tạo con người” trong cuộc sống, trong tình yêu, hạnh phúc bằng triết lí về “con người tự nhiên” (“l’homme naturel”) của ông chống lại “con người xã hội” (“l’homme social”) giả dối, đau khổ. Con người được giáo dục qua phương pháp của ông sẽ trở thành những công dân tốt, chứ không phải là

quan tòa, sĩ quan hay thầy tu là những danh vị hấp dẫn, giàu có đương thời. Một xã hội có nhiều công dân tốt là một xã hội lành mạnh, yên vui như cơ thể con người khỏe mạnh sẽ có tâm hồn khỏe mạnh.

Gần gũi với ý tưởng giáo dục của Rousseau, Kant cũng chú ý đến nhân cách con người, vun trồng con người có kỉ luật nhưng lại có thể phát huy sáng tạo được.

Montesquieu trong *Tinh thần pháp luật* (“De l’esprit des lois” - 1748), ở quyển thứ IV có tiêu đề “Luật về giáo dục phải tương ứng với nguyên tắc của chế độ” là một phần rất hay của tác phẩm lớn này của ông. Trong đó, ông viết: “Trong chính thể quân chủ mục đích của giáo dục là danh diện, trong chính thể dân chủ là đạo đức, trong chính thể chuyên chế là sợ hãi”⁽³⁾. Trong ba chính thể nói trên, đương nhiên, là nhà triết học, nhà văn lớn đầy tình thương yêu, nhân ái và minh triết, Montesquieu yêu mến nhất là giáo dục trong chính thể dân chủ. Ở Chương 5 của Quyển trên, ông viết: “Trong chính thể cộng hòa người ta cần đến cả sức mạnh của giáo dục. Sự sợ hãi trong chính thể chuyên chế là do trừng phạt và đe dọa mà sinh ra. Danh diện trong chính thể quân chủ là do các dục vọng kích thích, và nó cũng kích thích lại dục vọng. Nhưng đạo đức trong chính thể cộng hòa lại là sự đấu tranh với bản thân mình; đó là chuyện rất khó.

Có thể định nghĩa *đạo đức chính trị là tình yêu luật pháp và tình yêu Tổ quốc*. Tình yêu ấy đòi hỏi luôn luôn *đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân*. Tình yêu ấy đặc biệt phù hợp với các chính thể dân chủ. Ở đây vận mệnh của của chính thể được giao cho mỗi công dân, mà chính thể là đủ mọi thứ trên đời, muốn bảo vệ nó thì phải yêu mến nó (...).

Thầy trao kiến thức cho các em, lại còn phải gọi cho các em sự ham mê, hứng thú nữa kia. Không làm được điều này là vì sự giáo dục trong gia đình đã bị hủy hoại bởi những tình cảm ngoại lai”⁽⁴⁾.

Trích dẫn hơi dài, nhưng cần thiết, tôi chỉ muốn nói thêm một điều: các nhà triết học thời đại Ánh Sáng Pháp đã sớm nhận ra cái cốt lõi của giáo dục ngay từ trong gia đình đến nhà trường. Những lời in nghiêng trong trích văn của trích dẫn trên chỉ ra rằng “*tình yêu luật pháp và tình yêu Tổ quốc*” chính là cái gốc của “*đạo đức chính trị*” mà “*đạo đức chính trị*” lại là đặt lợi ích của cộng đồng lên trên hết vì quyền lợi của mỗi cá nhân. Và sau hết là giáo dục phải tạo ra được sự say mê, hứng thú với môn học.

Nhà vật lý vĩ đại người Đức Albert Einstein vào năm 1949, đã bàn về sự quan trọng của giáo dục nhà trường do sự suy yếu của giáo dục gia đình. “Nhà trường phải giúp từng cá nhân phát triển những phẩm chất và năng lực có giá trị đối với lợi ích chung của cộng đồng. Nhưng điều này không có nghĩa là cá tính sẽ bị triệt tiêu và cá nhân trở thành công cụ đơn thuần của cộng đồng như là con ong hay cái kiến. Bởi lẽ một cộng đồng gồm những thành viên bị tiêu chuẩn hóa cũng như thiếu vắng sự độc đáo và mục đích cá nhân sẽ là một cộng đồng nghèo nàn, không có khả năng phát triển. Trái lại, mục tiêu của giáo dục phải là huấn luyện cho cá nhân đạt đến hành động và suy nghĩ độc lập, đạt đến chỗ nhận thức

⁽³⁾ Montesquieu, *Tinh thần pháp luật*, Nxb. Giáo dục / Trường đại học KHXH & NV – Khoa Luật, HN, 1996, Hoàng Thanh Đạm dịch, tr.58.

⁽⁴⁾ Montesquieu, như trên, tr.64.

rõ ràng ý nghĩa quan trọng nhất trong đời sống của mình là phục vụ cộng đồng. Theo nhận xét của tôi, hệ thống trường học của người Anh đã đạt đến gần lý tưởng này hơn cả⁽⁵⁾. Tiếp đó, ông nhấn mạnh đến vai trò của người thầy: “Không ai có thể khẳng định rằng việc quản lý của nhà trường và thái độ của người thầy không tạo ra một ảnh hưởng nào đến việc hun đúc nền tảng tâm lý của học sinh”. Bên cạnh đó là vai trò của nhà trường: “Đối với tôi, điều tệ hại nhất của nhà trường chủ yếu là việc dùng sự khiếp sợ, cưỡng bách, và quyền hành giả tạo làm phương pháp giáo dục. Cách thức đối xử như thế sẽ hủy hoại những cảm xúc lành mạnh, lòng trung thực và tính tự tin nơi học sinh. Nó sản sinh ra loại người chỉ biết phục tùng. Biện pháp để có thể giữ trường học không rơi vào tình trạng độc đoán và tệ hại trên xem ra cũng tương đối giản đơn. Hãy giảm đến mức thấp nhất các biện pháp cưỡng bách trong uy quyền của người thầy, để cho nguồn gốc duy nhất của lòng tôn sư nơi học trò là phẩm chất trí thức và nhân cách của người thầy giáo. Hai là, động cơ, khát vọng, hay nói một cách nhẹ nhàng hơn, mong muốn được thừa nhận và quan tâm, vốn sẵn có trong bản chất con người”. Không thể trích dẫn quá dài, nhưng có lẽ những lời sau đây của Einstein là những lời đáng lưu ý: “Động cơ quan trọng nhất trong học tập và đời sống chính là niềm vui có được qua công việc, niềm hạnh phúc khi gặt hái thành quả và khi nhận thức giá trị của thành quả đối với cộng đồng. Tôi cho rằng nhiệm vụ quan trọng nhất của học đường là khơi dậy và củng cố sức mạnh tâm lý này trong thanh niên”.

John Stuart Mill, gần 3 thế kỉ sau Rousseau, Montesquieu, và là hậu thế so với Einstein cũng không nói khác hơn bao nhiêu về tinh thần nhân văn: “Đại học không phải là chỗ của giáo dục nghề nghiệp. Các đại học không chú ý dạy tri thức đòi hỏi để làm cho con người phù hợp với các cách kiếm sống nào đó. Mục tiêu của đại học không phải tạo ra các luật gia, bác sĩ hay kỹ sư có kỹ năng, mà tạo ra những con người có năng lực (tư duy) và có văn hóa.[...].

Con người là con người, trước khi con người là luật gia, bác sĩ, nhà kinh doanh, hay nhà sản xuất; và nếu chúng ta làm cho họ thành những người có năng lực và nhạy cảm (capable and sensible), họ sẽ tự làm cho họ thành những luật gia hay bác sĩ có năng lực và nhạy cảm”. (Bài phát biểu của Nguyễn Xuân Xanh đã dẫn bên trên).

Gần đây, trên mạng có bài “Thế nào là đại học hàng đầu thế giới?” của Giáo sư Dương Phúc Gia (Hiệu trưởng trường ĐH Nottingham Anh Quốc) do Huy Đường dịch, cho rằng: “chỉ có thể được coi là đại học hàng đầu khi ngôi trường đó đào tạo được những công dân tốt, có “tinh yêu lớn” đối với giảng viên và sinh viên, bồi dưỡng cho sinh viên quan niệm đạo đức và phát huy thiên tài của sinh viên”, theo đó có mấy mục: 1. *Giáo dục đại học phải đào tạo công dân tốt*; 2. *Giáo dục đại học không thể thiếu được “Tinh yêu lớn”*; 3. *Giáo dục đại học phải bồi dưỡng cho sinh viên quan niệm giá trị, quan niệm đạo đức, quan niệm tư duy, phương thức làm người và năng lực công tác xã hội*; 4. *Nhiệm vụ của giáo dục đại học là phát huy thiên tài của sinh viên*; 5. *Chớ nên coi đào tạo người tài trình độ cao là mục tiêu duy nhất của giáo dục đại học*.

⁽⁵⁾ Albert Einstein, *Out of My Later Years*, Philosophical Library Inc., New York, 1950, Phạm Thị Ly dịch.

Trở lên, tôi vừa điem qua một vài ý kiến của các nhà khoa học, triết học, của các giáo sư bàn về giáo dục, tựu chung lại là tình yêu, lòng nhân ái, vị tha để trước hết giáo dục con người công dân, đến con người có tri thức khoa học.

2. Thử hình dung con đường của đại học nghiên cứu ở Việt Nam

2.1. Đại học nghiên cứu là phải dẫn đầu về nghiên cứu: tận dụng trí tuệ của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước (trường hợp Ngô Bảo Châu). Đây là nhiệm vụ lâu dài và phải có thời gian. Kinh nghiệm của Khoa Văn học vào những năm 80 của thế kỉ trước đã hợp tác khoa học với các giáo sư của đại học Paris 7 là một ví dụ. Hàng loạt những công trình đã được biên soạn, các tác phẩm lớn của V.Hugo, bộ *Tấn trò đời* của Balzac, Stendhal, các công trình lí thuyết của R.Barthes, Todorov, A. Compagnon, Kundera,... đã được dịch thuật phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và thưởng thức. Nhiều nhà văn đương đại Việt Nam đã học tập được từ các trước tác đó nhiều kinh nghiệm cho sáng tác.

Đến nay sự hợp tác với các đại học của Pháp đã phát triển ra đối với các Khoa khác của Trường. Những điều đó đã tạo ra bầu không khí học thuật mới, sinh động giữa thầy và trò, những luồng tri thức mới đã khiến cho việc học đỡ nhàm tẻ hơn nhiều. Sinh viên cũng có nhiều cơ hội tiếp cận với cái mới hơn. Nhưng dù sao cũng chưa phải hoàn toàn như ý nguyện.

2.2. Để phát triển kinh tế, trước mắt, theo tôi, ta có thể làm mấy việc sau:

- Bên cạnh nguồn tài chính của nhà nước cấp, ta phải có tài chính của Trường. Giáo sư Geiger, một chuyên gia hàng đầu về đại học nghiên cứu của đại học bang Pennsylvania - Mỹ, chia sẻ: “Nên xây dựng các đại học nghiên cứu ở các nước đang phát triển dựa trên những lợi thế địa phương (local advantages) để có thể huy động được nguồn tài chính địa phương (local money). Chỉ có như vậy, các trường đại học nghiên cứu non trẻ mới có thể duy trì hoạt động ổn định lâu dài và vươn lên trình độ quốc tế”, như tác giả Phạm Ngọc Duy (Boston College) đã dẫn. “Lợi thế địa phương” của chúng ta có thể phát triển ở mấy lĩnh vực: mở rộng quy mô giảng dạy đại học, sau đại học ở các địa phương. (Dựa vào lấy ý kiến của sinh viên, học viên các tỉnh để xem xét nhu cầu).

- Ưu tiên những đề tài có sức hút đối với xã hội, người học. Tạo điều kiện về tinh thần, vật chất cho người nghiên cứu sâu, thu hút tài năng trong các lĩnh vực.

- Thu hút sự đầu tư của các đại học nước ngoài vào các lĩnh vực mà ta có thể mạnh như: tư duy đổi mới của phương Đông trong môi giao lưu và hội nhập toàn cầu trong thời đại hiện nay; vấn đề trao đổi văn hóa; dịch thuật, đưa tinh hoa của thế giới vào Việt Nam.

2.3. Bài viết mới đây của TS. Lê Thị Thanh Tâm: “Ngành văn học ở một số đại học Mỹ: Yếu tố cá tính hoá và quốc tế hoá trong chiến lược xây dựng chương trình” trên trang web của vanhoanghean.com.vn được đăng lại trên⁽⁶⁾ trang web của Khoa Văn học ĐHKHXH & NV – HN, đã

⁽⁶⁾ http://khoavanhoc-ssh.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=879:ts-le-th-thanh-tam&catid=81:vanhocnuocngoai&Itemid=245#comment-75

gợi mở thêm nhiều điều thú vị về hướng mở thêm ngành thay thế cho những ngành học đã cũ hoặc không còn hấp dẫn nữa đối với người học. Riêng đối với ngành văn học, trong danh sách khá dài các môn học mà tác giả Lê Thị Thanh Tâm nêu ra, tôi nghĩ đến một số môn học có thể thu hút được người học cũng như sự quan tâm của các đại học nước ngoài:

- **Về dịch thuật**, mà nội dung sẽ là: “Khảo sát các lý thuyết dịch thuật từ nhiều thời đại khác nhau (Dryden, Schopenhauer, Schleiermacher, Benjamin, de Man, ...). Ngoài ra có thể tham khảo thêm một số văn bản dịch thuật đặc biệt (như các bản dịch tiếng Anh khác nhau của kiệt tác *Nghìn lẻ một đêm*), tìm hiểu một vài chủ đề khác như: quan điểm về “ngôn ngữ không đồng đẳng”, vấn đề của dịch thuật văn hóa, thể loại bút ký đa văn hóa (bi-cultural memoir), và tiềm năng của sự bất khả dịch. Bài thi cuối cùng liên quan đến một bản dịch gốc và lời bình chú”.

- **Văn chương và khoa học**: “Khám phá văn học trong những thời đại lịch sử khác nhau đại diện và khôi phục lại những ý tưởng, phương pháp và ngôn ngữ của khoa học như thế nào. So sánh cách thức suy luận và vai trò tưởng tượng trong văn chương và khoa học. Xem xét văn học nhìn lại thế nào về ý nghĩa văn hóa và lịch sử của sự nghiệp khoa học. Văn bản chính bao gồm: Lucretius, Donne, Copernicus, Kepler, Cavendish, Fontenelle, Shelley, Goeth, Darwin, Calvino và Gibson”.

- **Văn học so sánh**: trong môn học rộng lớn này có môn dành cho học viên sau đại học khá hấp dẫn “Kí ức, lịch sử và văn xuôi” hay “Lí thuyết và văn học so sánh”. Bên cạnh đó là các môn học về sáng tác thơ, kịch, văn xuôi rất hấp dẫn nhưng do thời gian eo hẹp và cũng chưa nghiên cứu thật kĩ nên tôi xin dừng lại ở đây coi như mới chỉ mới là bước đầu phác thảo nên cần dung một gương mặt mới của Khoa văn học của chúng tôi trong tương lai.

3. Kết luận

Viện hàn lâm của Platon đã tạo ra với mô hình học thuật đầu tiên của nhân loại. Chỉ có trở thành trường đại học nghiên cứu mới có cơ sở để tạo ra người tài, thu hút người tài làm ra của cải vật chất cho xã hội. Theo đó, những phát kiến khoa học mới, hiện đại sẽ nảy sinh và phát triển. Nhưng để phát triển vững vàng được vẫn rất cần đến yếu tố con người (làm thầy vẫn luôn cần phải học), tài chính, quyền của người điều hành nhà trường, sự say mê khoa học và tiến bộ.

Kinh nghiệm của các đại học nghiên cứu lớn trên thế giới đã chỉ ra con đường phát triển đi lên của họ. Sự phát triển kinh tế của xã hội cũng từ những nghiên cứu đó mà ra. Chúng ta cần tiếp thu những tinh hoa kinh nghiệm đó của thế giới.

Việt Nam có thể sẽ trở thành một nước nhạy bén, nắm bắt thời cơ để bước nhanh hơn nữa trên con đường phát triển kinh tế, hội nhập và ổn định lâu dài được hay không vẫn là một thách thức mà bài viết này chỉ có tham vọng đưa ra một vài hiểu biết và suy nghĩ tâm huyết có tính chất tham khảo. Xin cảm ơn Hội nghị.

Hà Nội, tháng 3-4 năm 2011

Đào Duy Hiệp